

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thế Chiến

2/ Ông Đặng Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Hồng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2018/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **11/2018/QĐXXST- HNGĐ** ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ D, sinh năm: 1978.

Trú tại số nhà X, TDP. H, TT. B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có mặt.

- Bị đơn: Ông Cao Văn T, sinh năm: 1974.

Trú tại số nhà X, TDP. H, TT. B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Lệ D trình bày: Bà kết hôn với ông Cao Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/1999 tại UBND xã B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên đánh đập cãi vã, sự việc xảy ra nhiều năm nay làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến năm 2016, bà đã làm đơn xin ly hôn ông T, nhưng TAND huyện Krông Ana đã xét xử bác đơn xin ly hôn tại bản án số 04/2016/HNGĐ-ST ngày 30/3/2016. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông T vẫn không thay đổi tính tình, bản chất, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không tôn trọng nhau, không thể tiếp tục chung sống nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là Cao Trần Bảo N, sinh ngày 01/5/2000 và Cao Thiên P, sinh ngày 20/02/2004, khi ly hôn bà D xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Cao Văn T đã được thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKS nhân dân huyện Krông Ana phát biểu ý kiến:

Việc Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, đảm bảo; việc ban hành các văn bản tố tụng đảm bảo về nội dung và hình thức; việc gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định.

Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng quy định;

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Bà D và ông T có đăng ký kết hôn hợp pháp trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D xin ly hôn, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Các đương sự có hai con chung, cháu Cao Trần Bảo N. sinh ngày 01/5/2000 đã trưởng thành. Cháu Cao Thiên P, sinh ngày 20/02/2004 cần giao cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp, bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Các đương sự thỏa thuận phân chia nên không đề cập giải quyết.

Về nợ: Bà D xác định không có nợ chung, không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Cao Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ D xin ly hôn ông Cao Văn T và xin nuôi con chung, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” quy định tại khoản 1

Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. TAND huyện Krông Ana thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ D kết hôn với ông Cao Văn T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/1999 tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, sống không có hạnh phúc. Năm 2016 bà D đã làm đơn xin ly hôn, đến ngày 30/3/2016 Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã xét xử tại bản án số 04/2016/HNGĐ-ST bác đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, từ đó đến nay mâu thuẫn giữa các bên vẫn không cải thiện được, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, thì mâu thuẫn giữa bà D và ông T xảy ra từ những năm 2014 – 2015, từ năm 2016 đến nay ông bà không còn chung sống với nhau nữa.

Xét thấy giữa bà D và ông T không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng nhau, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà D được ly hôn ông T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là cháu Cao Trần Bảo N, sinh ngày 01/5/2000 và Cao Thiên P, sinh ngày 20/02/2004. Khi ly hôn, bà D xin nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên, đến nay cháu Cao Trần Bảo N đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường về thể lực, trí lực do đó không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Còn cháu Cao Thiên P chưa thành niên, để bảo đảm quyền lợi cho cháu, nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với mẹ, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu P cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về nợ: bà D xác định không nợ ai nên không đề cập đến.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Lệ D ly hôn ông Cao Văn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Cao Thiên P, sinh ngày 20/02/2004 cho bà Trần Thị Lệ D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Cao Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

3/Về án phí: Bà Trần Thị Lệ D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 4175 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên

